

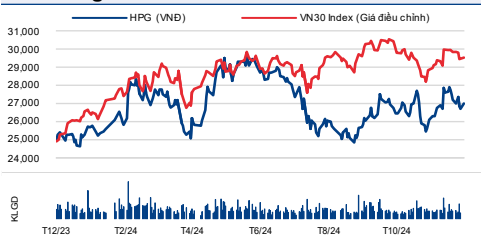
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ38,800
Tiềm năng tăng/giảm: 43.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/12/2024)	27,000
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	24,637-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,850
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	172,699
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,784
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,700
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.4%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	138,918	165,806
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	21,514	29,815
LNTT (tỷ đồng)	7,793	14,047	18,486
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	11,819	15,985
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(24,418)	(11,979)
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,848	2,499
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	18,322	20,321
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	30.8	38.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	65.5	35.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	18.0
Tỷ suất LNTTT (%)	6.55	10.1	11.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	8.96	10.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	25.7	38.0
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	60.7	58.6
ROAE (%)	6.88	11.3	13.6
ROACE (%)	8.62	11.3	13.3
EV/doanh thu (lần)	1.58	1.64	1.40
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.4	10.6	7.76
P/E ĐC (lần)	24.2	14.6	10.8
P/B (lần)	1.53	1.47	1.33
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.85	3.70

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Sản lượng tiêu thụ tháng 11 tăng trưởng kém tích cực

- Trong tháng 11, sản lượng tiêu thụ của HPG kém tích cực so với cùng kỳ và so với tháng trước ở tất cả các phân khúc sản phẩm do so với mức nền cao. Sản lượng tiêu thụ thép trong kỳ đạt 691.306 tấn, giảm 16% so với cùng kỳ và 26% so với tháng trước.
- Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 321.704 tấn, giảm 22% so với cùng kỳ và 29% so với tháng trước (so với mức nền cao của tháng 10 khi các nhà phân phối tăng cường tích trữ hàng tồn kho). Sản lượng tiêu thụ HRC giảm 17% so với cùng kỳ và đi ngang so với tháng trước.
- Tổng sản lượng tiêu thụ trong hai tháng đầu của Q4/2024 tăng 6% so với cùng kỳ; theo đó, tổng sản lượng tiêu thụ 11 tháng đầu năm 2024 tăng 25% so với cùng kỳ, một mức tăng trưởng tích cực. Lưu ý, Tết âm lịch đến sớm trong năm 2025 nhiều khả năng sẽ ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ trong tháng 12/2024.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu 38.800đ.

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 11/2024

Hiệp hội Thép Việt Nam đã công bố báo cáo tổng quan hàng tháng. HPG ghi nhận sản lượng tiêu thụ kém tích cực ở tất cả các phân khúc sản phẩm trong tháng 11 so với tháng trước và so với cùng kỳ năm ngoái do so với mức nền cao.

Tổng sản lượng tiêu thụ tháng 11 đạt 691.306 tấn, giảm 16% so với cùng kỳ và 26% so với tháng trước; trong đó, sản lượng tiêu thụ trong nước đóng góp 72% tổng sản lượng tiêu thụ trong khi xuất khẩu đóng góp 28%. Lưu ý, KQKD tháng 10 của HPG rất mạnh mẽ nhờ các nhà phân phối tích cực gia tăng lượng hàng tồn kho đối với các sản phẩm thép.

Thép xây dựng ghi nhận tháng có sản lượng tiêu thụ thấp thứ hai trong năm 2024

HPG chỉ bán được 321.704 tấn thép xây dựng trong tháng 11, giảm 22% so với cùng kỳ và 29% so với tháng trước. Theo HSC, sản lượng yếu hơn này là do (1) so với mức nền cao trong tháng 10/2024, và (2) tâm lý tiêu cực sau khi giá bán ở Trung Quốc giảm. Phân tích theo thị trường.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/12

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ thép tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2024, HPG

Sản lượng tiêu thụ tháng 11/2024 giảm 16% so với cùng kỳ và 26% so với tháng trước.

Tấn	T11/24	% so với cùng kỳ	% so với tháng trước	10T24	% so với cùng kỳ	T10-11/24	so với cùng kỳ
Sản phẩm thượng nguồn	595,229	-16%	-26%	7,501,653	26%	1,403,909	4%
Thép xây dựng	321,704	-22%	-29%	4,098,598	23%	775,180	3%
Phôi thép	50,003	68%	-62%	688,574	526%	182,774	249%
HRC	223,522	-17%	0%	2,714,481	7%	445,955	-18%
Ống thép	59,593	-20%	-30%	646,547	5%	144,194	12%
Tôn mạ	36,484	-4%	-16%	424,647	39%	79,890	25%
Tổng sản lượng	691,306	-16%	-26%	8,572,847	25%	1,627,993	6%
Sản lượng đầu ra	733,785	18%	1%	7,908,834	31%	1,463,396	18%

Nguồn: VSA, HSC

- Sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 243.582 tấn, giảm 23% so với cùng kỳ và 36% so với tháng trước. Giá bán bình quân thép xây dựng trong nước trong tháng 11 không đổi so với tháng trước ở mức 13.839đ/kg nhưng sau đó đã giảm 200đ và 250đ cho các sản phẩm thép cuộn và thép thanh xuống lần lượt 13.610đ/kg và 13.600đ/kg.
- Sản lượng xuất khẩu đạt 78.122 tấn trong tháng 11, giảm 18% so với cùng kỳ nhưng tăng 4% so với tháng trước.

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong hai tháng đầu của Q4/2024 đạt 775.180 tấn, vẫn tăng 3% so với cùng kỳ, trong khi sản lượng 11 tháng đầu năm 2024 tăng 23% so với cùng kỳ đạt 4,1 triệu tấn. Sản lượng xuất khẩu đóng góp 28% trong khi sản lượng tiêu thụ trong nước đóng góp 72% tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng 11 tháng đầu năm 2024 so với tỷ lệ tương ứng là 21% và 79% trong 11 tháng đầu năm 2023.

Đối với phôi thép, sản lượng tiêu thụ tháng 11 đạt 50.003 tấn, tăng 68% so với cùng kỳ nhưng giảm 62% so với tháng trước, theo đó, sản lượng tiêu thụ phôi thép 11 tháng đầu năm 2024 đạt 688.574 tấn, tăng 526% so với cùng kỳ.

Mặc dù giảm so với cùng kỳ, sản lượng tiêu thụ HRC vẫn ổn định so với tháng trước

Trong tháng 11, HPG đã bán được tổng cộng 223.522 tấn HRC, giảm 17% so với cùng kỳ và đi ngang so với tháng trước. Mặc dù có sự sụt giảm so với cùng kỳ do các hoạt động bán phá giá từ HRC Trung Quốc, sản lượng tiêu thụ HRC vẫn ổn định ở mức này trong những tháng qua.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ HRC tăng 7% so với cùng kỳ đạt 2,7 triệu tấn. Trong đó, sản lượng xuất khẩu đóng góp 33% (11 tháng đầu năm 2023: 42%) và 67% còn lại là đóng góp từ thị trường trong nước (11 tháng đầu năm 2023: 58%).

Tổng sản lượng sản xuất thép thô (thép xây dựng + phôi thép + HRC) tăng nhẹ 1% so với tháng trước đạt 733.785 tấn (tăng 18% so với cùng kỳ), tương đương công suất hoạt động trên 100%. Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ thép thô tăng 31% so với cùng kỳ đạt 7,9 triệu tấn.

Sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép cũng kém tích cực

Theo xu hướng chung, sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép trong tháng 11 đều giảm so với cùng kỳ và so với tháng trước. Chi tiết như sau:

- Sản lượng tiêu thụ tôn mạ tháng 11 đạt 36.484 tấn, giảm 4% so với cùng kỳ và 16% so với tháng trước, theo đó, sản lượng tiêu thụ tôn mạ 11 tháng đầu năm 2024 đạt 424.647 tấn, tăng 39% so với cùng kỳ.
- Sản lượng tiêu thụ ống thép giảm 20% so với cùng kỳ và 30% so với tháng trước xuống 59.593 tấn, theo đó, sản lượng tiêu thụ ống thép 11 tháng đầu năm 2024 đạt 646.547 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 38.800đ (tiềm năng tăng giá 44%).

Sản lượng tiêu thụ 11 tháng đầu năm 2024 của HPG vẫn duy trì ở mức cao, tăng 25% so với cùng kỳ đạt 8,6 triệu tấn. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng việc kỳ nghỉ Tết năm 2025 đến sớm hơn dự kiến sẽ ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ tháng 12. Sau khi xem xét tất cả các yếu tố, chúng tôi giữ nguyên dự báo đối với HPG.

Cho năm 2024, lợi nhuận thuần dự báo đạt 12.441 tỷ đồng (tăng trưởng 82%), tương đương lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 3.228 tỷ đồng (tăng 8,6% so với cùng kỳ và 6,8% so với quý trước). Trong khi đó, cho năm 2025-2026, HSC vẫn giữ quan điểm tích cực về triển vọng của HPG, với công suất sản xuất HRC bổ sung mới từ DQSC Giai đoạn 2, sau khi lò cao thứ 8 của HPG thử

nghiệm thành công, đẩy mạnh vận hành vào tháng 12 và bắt đầu hoạt động thương mại vào tháng 1/2025.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ theo thị trường, HPG

Trong T11/2024, thị trường trong nước chiếm 72% sản lượng tiêu thụ, trong khi xuất khẩu chiếm 28%

Tấn	T11-23	T11-24	So với cùng kỳ	So với tháng trước	11T23	11T24	So với cùng kỳ
Sản lượng tiêu thụ trong nước	572,769	500,310	-12.7%	-24.4%	4,940,088	5,772,420	16.8%
Sản lượng xuất khẩu	249,268	190,996	-23.4%	-30.6%	1,942,010	2,800,427	44.2%
Tổng sản lượng tiêu thụ	822,037	691,306	-15.9%	-26.2%	6,882,098	8,572,847	24.6%
Tỷ trọng	100.0%	100.0%			100.0%	100.0%	
Trong nước	69.7%	72.4%			71.8%	67.3%	
Xuất khẩu	30.3%	27.6%			28.2%	32.7%	

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	138,918	165,806	206,536
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	19,077	25,918	32,967
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(4,237)	(4,808)	(5,783)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	14,840	21,110	27,184
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,252)	(2,706)	(3,886)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	458	82.9	103
LN TT	9,923	7,793	14,047	18,486	23,401
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,608)	(1,664)	(1,872)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	2.37	3.20	4.10
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	12,441	16,826	21,533
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	11,819	15,985	20,457
EBITDA ĐC	19,893	16,443	21,514	29,815	38,058
EPS (đồng)	1,459	1,175	1,945	2,631	3,367
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	1,848	2,499	3,198
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	9,566	18,016	16,173
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	15,281	16,581	20,654
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	11,113	14,923	20,654
Hàng tồn kho	34,491	34,504	40,286	48,913	61,961
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	6,946	8,290	10,327
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	83,193	106,722	129,768
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	127,089	134,971	123,250
TSCĐ vô hình	634	211	208	229	252
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	7,266	7,823	9,724
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	135,131	143,562	133,732
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	218,323	250,284	263,500
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	55,567	58,032	61,961
Phải trả người bán	11,107	12,387	11,113	16,581	20,654
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,286	2,274	2,447
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	70,936	79,238	87,991
Nợ dài hạn	11,152	10,399	24,306	35,179	25,585
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	5,825	5,827	5,828
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	30,131	41,006	31,413
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	101,068	120,245	119,404
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	117,192	129,979	144,039
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	63.4	60.2	56.1
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	117,256	130,039	144,095
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	218,323	250,284	263,500
BVPS (đ)	16,511	17,674	18,322	20,321	22,519
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	70,307	75,195	71,373

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	14,840	21,110	27,184
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(6,674)	(8,705)	(10,874)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,252)	(2,706)	(3,886)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,608)	(1,664)	(1,872)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(8,678)	(23,377)	(30,352)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,029)	(3,624)	(4,937)
LCT thuần từ HĐKD	12,192	9,472	11,430	4,600	5,679
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(35,847)	(16,579)	856
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	6,782	(1,326)	(4,114)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(28,955)	(17,746)	(3,123)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	18,022	27,992	5,196
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	14,824	21,596	(4,399)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	9,566	18,016
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	(2,701)	8,450	(1,843)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	9,566	18,016	16,173
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(24,418)	(11,979)	6,535

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	13.7	15.6	16.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	15.5	18.0	18.4
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	8.96	10.1	10.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	11.4	9.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	16.8	19.4	24.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	30.8	38.6	27.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	82.0	35.2	28.0
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	65.5	35.2	28.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	65.5	35.2	28.0
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	25.7	38.0	44.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	11.3	13.6	15.7
ROACE (%)	12.3	8.62	11.3	13.3	15.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.68	0.71	0.80
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.77	0.22	0.21
Số ngày tồn kho	101	119	123	128	130
Số ngày phải thu	29.0	36.8	33.8	38.9	43.4
Số ngày phải trả	32.5	42.6	33.8	43.3	43.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	60.7	58.6	50.4
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	37.0	37.7	33.7
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	11.9	7.80	7.00
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.75	3.16	2.33
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.17	1.35	1.47
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.28	1.58	1.64	1.40	1.08
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.07	11.4	10.6	7.76	5.87
P/E (lần)	18.5	23.0	13.9	10.3	8.02
P/E ĐC (lần)	19.5	24.2	14.6	10.8	8.44
P/B (lần)	1.64	1.53	1.47	1.33	1.20
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.85	3.70	5.56

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn